

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ DI SẢN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Dương Văn Sáu^{1*}

¹Trường Đại học Văn hóa Hà Nội

* Email: saudv@huc.edu.vn

Ngày nhận bài: 18/05/2023

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 17/09/2023

Ngày chấp nhận đăng: 01/10/2023

TÓM TẮT

Hiện nay, các di sản thiên nhiên và văn hóa của đất nước đã và đang được bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị qua con đường du lịch để phát triển kinh tế di sản ở Việt Nam. Trong loại hình kinh tế đặc biệt này, di sản trở thành các “nguyên liệu” đặc hữu cho công nghiệp du lịch. Các di sản được khai thác giá trị thông qua phát triển các dịch vụ du lịch phù hợp, tạo ra các sản phẩm du lịch đặc trưng và khi đưa vào thị trường, chúng trở thành những hàng hóa văn hóa đặc thù trong tiến trình hội nhập. Việc hình thành và phát triển kinh tế di sản qua con đường du lịch là một xu thế tất yếu, một lợi thế của Việt Nam. Để du lịch Việt Nam phát triển bền vững, sớm trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước mà vẫn bảo tồn được các nguồn tài nguyên thiên nhiên và các giá trị đặc sắc của văn hóa bản địa cần có định hướng chiến lược phát triển đúng đắn, kịp thời. Đổi mới tư duy, quan điểm, điều chỉnh hệ thống luật pháp, xây dựng các chính sách định hướng, chiến lược phát triển, đánh giá tài nguyên, đầu tư xây dựng các nguồn lực, phát triển thị trường sản xuất và tiêu thụ sản phẩm... theo những nguyên tắc căn bản của kinh tế di sản ở Việt Nam hiện nay là điều cần thiết.

Từ khóa: di sản, du lịch, kinh tế di sản, văn hóa du lịch.

CURRENT THEORETICAL ISSUES OF THE HERITAGE ECONOMY DEVELOPMENT IN VIETNAM

ABSTRACT

Currently, the country's natural and cultural heritages have been preserved, exploited, and promoted through tourism to develop the heritage economy in Vietnam. In the context of this unique economic system, heritage becomes intrinsic “raw materials” for the travel and tourism sector. In order to create distinctive tourism products, heritage values are exploited through the development of suitable tourism services. Once these products are placed on the market, the integration process turns them into specific cultural goods. The formation and development of the heritage economy through tourism is an inevitable trend and an advantage of Vietnam. With a strategic development orientation and timely development, Vietnam's tourism can grow sustainably and quickly establish itself as a major economic sector of the nation, all the while protecting the country's natural resources and distinctive indigenous cultural values. According to the basic principles of Vietnam's heritage economy today, it is essential to innovate in thinking and viewpoints, adapt the legal system, create orientation policies and development strategies, assess resources, invest in resource development, create production markets, and consume goods.

Keywords: heritage, heritage economy, tourism, tourism culture.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Từ sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (1986), Việt Nam tiến hành công cuộc đổi mới, mở cửa, hội nhập quốc tế sâu rộng. Tiến trình hội nhập đã làm thay đổi nhanh chóng đất nước trên mọi phương diện, lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa – xã hội, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế có sự thay đổi lớn. Nền kinh tế chuyển mạnh từ nền kinh tế kế hoạch hóa sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Từ nền kinh tế một thành phần đã hình thành nền kinh tế nhiều thành phần. Nhiều loại hình kinh tế mới ra đời, phát huy tác dụng, hiệu quả ở các địa phương trên mọi miền đất nước. Đời sống chính trị – xã hội có những thay đổi lớn; tư duy, nhận thức của đội ngũ cán bộ các cấp cũng thay đổi nhanh chóng, mở ra các cách tiếp cận mới, sáng tạo cả về lí luận và thực tiễn xây dựng đất nước. Đường lối lãnh đạo của Đảng thực sự thay đổi mạnh mẽ cả về nội dung và hình thức. Đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị các cấp có sự chuyển biến trong suy nghĩ và hành động; nhiều quan điểm lãnh đạo, chỉ đạo mới được hình thành, triển khai đi vào cuộc sống đã và đang phát huy tác dụng, hiệu quả. Trong lĩnh vực văn hóa – xã hội, việc cụ thể hóa tiến trình đổi mới, hội nhập, xây dựng nền văn hóa mới tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc đã tạo tiền đề, điều kiện để hình thành và phát triển những luận điểm khoa học trong thực tiễn triển khai hai quá trình: “*Kinh tế hóa văn hóa*” và “*Văn hóa hóa kinh tế*” diễn ra song song, đồng thời ở tất cả các địa phương. Trong Nghị quyết số 33-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 9 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI ngày 09 tháng 06 năm 2014 về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, đã xác định rõ mục tiêu: “*Xây dựng thị trường văn hóa lành mạnh, đẩy mạnh phát triển công nghiệp văn hóa, tăng cường quảng bá văn hóa Việt Nam*” (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 2014). Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng trong bài phát biểu tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc ngày 24/11/2021 cũng chỉ đạo: “*Khẩn trương phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, xây dựng thị trường văn hóa lành mạnh...*” (Nguyễn Phú Trọng, 2021). Cần đổi mới mạnh mẽ các quan

điểm tiếp cận và đưa ra những giải pháp hành động cụ thể để triển khai các nghị quyết của Đảng vào cuộc sống.

Di sản là tài nguyên của kinh tế du lịch, tài nguyên này sẽ trở thành nguyên liệu cho công nghiệp du lịch. Được gọi là “*công nghiệp xanh*”, công nghiệp du lịch giữ vai trò then chốt trong các ngành công nghiệp văn hóa. Khi khai thác, phát huy giá trị của di sản thông qua con đường du lịch sẽ tạo ra loại hình kinh tế di sản trong thời kì hội nhập. Việc cụ thể hóa đường lối phát triển đất nước trong lĩnh vực văn hóa – xã hội đã đặt ra những vấn đề về lí luận và thực tiễn cần được nghiên cứu, giải quyết, trong đó có vấn đề phát triển kinh tế di sản ở Việt Nam hiện nay. Trên thực tế, kinh tế di sản ở Việt Nam đã và đang phát triển nhanh chóng trên nhiều không gian và thời gian. Tuy nhiên, việc nghiên cứu để đưa ra hệ thống lí thuyết có liên quan chưa đầy đủ và chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra. Chính vì vậy, cần có những nghiên cứu làm rõ khái niệm kinh tế di sản, nội hàm của kinh tế di sản và những nội dung cần triển khai để phát triển kinh tế di sản ở Việt Nam hiện nay. Bài viết này nhằm góp thêm tiếng nói để thúc đẩy sự phát triển của kinh tế di sản ở Việt Nam hiện nay.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Kinh tế di sản là phát triển kinh tế từ nguồn tài nguyên kho tàng di sản của dân tộc, mà di sản là sự kết tinh thành quả của quá khứ lịch sử xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Do vậy, nghiên cứu về kinh tế di sản phải dùng phương pháp nghiên cứu di sản bằng cả lí thuyết và thực tiễn. Di sản luôn chứa đựng sự hỗn hợp của tài nguyên thiên nhiên và văn hóa – lịch sử, du lịch lại là ngành kinh tế dịch vụ tổng hợp, do vậy, nghiên cứu kinh tế di sản phải dùng phương pháp nghiên cứu liên ngành của các ngành kinh tế học, văn hóa học, sử học, du lịch học, địa danh học/địa phương học, xã hội học,... Nội dung xuyên suốt trong quá trình nghiên cứu kinh tế di sản là phải bám sát “*nguyên tắc thực chứng*” tức là lấy thực tế/thực trạng kết quả hoạt động của các địa phương, doanh nghiệp làm thước đo để kiểm chứng, chứng minh các lí thuyết được áp dụng vào thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh tại các di sản văn hóa và thiên nhiên.

Để thực hiện bài viết, trên vai trò của du khách, chúng tôi đã khảo sát, quan sát thực tế trực tiếp nhiều địa phương, nhiều điểm đến du lịch là các di sản văn hóa thế giới, các di tích quốc gia đặc biệt, di tích lịch sử – văn hóa, danh lam thắng cảnh trên khắp miền đất nước. Trong quá trình khảo sát thực tế, chúng tôi sử dụng nhiều dịch vụ khác nhau do các cá nhân và tổ chức hoạt động trong lĩnh vực du lịch cung cấp để thu thập, tổng hợp thông tin và lấy đó làm cơ sở dữ liệu để tư duy phân tích, đánh giá tình hình thực tế khách quan. Khi triển khai nghiên cứu, chúng tôi áp dụng phương pháp ghi âm, ghi hình, phỏng vấn, trao đổi với người kinh doanh và du khách cùng những chuyên gia trong lĩnh vực nghiên cứu, đào tạo nhân lực du lịch,... Bên cạnh đó, chúng tôi cũng sử dụng rộng rãi việc tìm hiểu thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng, sách, báo in, báo điện tử, các tạp chí chuyên ngành, mạng xã hội,... để nắm bắt, tìm hiểu thông tin, làm rõ diễn biến tình hình hoạt động du lịch trên cả nước, đặc biệt là tại các di sản thế giới ở Việt Nam.

Bao trùm lên hết thảy, bài viết sử dụng phương pháp tư duy biện chứng khách quan, đối sánh thực tiễn hoạt động du lịch để đề xuất các giải pháp cụ thể mang tính xác thực với tình hình thực tiễn cũng như yêu cầu, xu thế phát triển của du lịch hiện đại. Quy trình thống nhất của việc áp dụng các phương pháp nghiên cứu là: tìm hiểu thông tin, tình hình thực tế; xác định mục tiêu, phác thảo kế hoạch nghiên cứu khảo sát; khảo sát thực tế; tổng hợp thông tin; phân tích, đánh giá dữ liệu; tư duy tổng hợp; đề xuất giải pháp, kiến nghị để tổ chức khai thác, phát huy các giá trị của di sản văn hóa và thiên nhiên một cách khoa học, hợp lý thông qua triển khai các dịch vụ thích hợp để tạo ra các sản phẩm du lịch đặc trưng của loại hình kinh tế di sản.

3. NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Kinh tế di sản là gì?

Từ thực tế hoạt động kinh tế, văn hóa – xã hội nói chung, hoạt động du lịch nói riêng đã và đang diễn ra hiện nay ở tất cả các địa phương trên khắp miền đất nước, cho thấy: “*Kinh tế di sản là loại hình kinh tế khai thác*

có chọn lọc, phát huy hiệu quả giá trị các tài nguyên và nguồn lực đặc hữu từ hệ thống di sản văn hóa và thiên nhiên của đất nước thông qua các dịch vụ phù hợp nhất có thể để tạo ra các hàng hóa văn hóa – sinh thái đặc trưng; đưa vào phục vụ xã hội nhằm đáp ứng những nhu cầu và lợi ích hợp pháp đồng thời định hướng và điều tiết nhu cầu của các cá nhân và tập thể trong những không gian và thời gian xác định; góp phần vào sự phát triển bền vững đất nước” (Dương Văn Sáu, 2019a). Kinh tế di sản đem lại những lợi ích kinh tế, văn hóa – xã hội to lớn từ các di sản, giúp phát triển bền vững kinh tế đất nước mà vẫn bảo tồn được các nguồn tài nguyên thiên nhiên và những giá trị đặc sắc của văn hóa bản địa; góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong trình độ hội nhập.

Khi nói về di sản chúng ta đều biết rằng có hai loại hình di sản: di sản thiên nhiên và di sản văn hóa. Tuy nhiên, như đã nói ở trên, khi nói về kinh tế di sản là chúng ta nói tới việc khai thác, phát huy giá trị các tài nguyên, nguồn lực thuộc về di sản văn hóa và các di sản thiên nhiên thế giới thông qua hoạt động du lịch. Còn nếu như chúng ta không giới hạn việc khai thác di sản thông qua các dịch vụ du lịch thì việc khai thác, phát huy giá trị các tài nguyên, nguồn lực thiên nhiên sẽ hình thành các ngành kinh tế khác như ngành công nghiệp dầu mỏ, ngành công nghiệp khai khoáng, ngành nông lâm, ngư nghiệp, thủy hải sản của kinh tế biển, v.v.. Đó vốn đều là những ngành kinh tế khai thác các tài nguyên thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm hàng hóa tiêu dùng cho nền kinh tế đất nước. Trong khi đó, kinh tế di sản được nói ở đây là việc khai thác, phát huy giá trị của kho tàng di sản thiên nhiên thế giới, di sản văn hóa dân tộc thông qua hoạt động du lịch. Luật Du lịch 2017 (Quốc hội, 2017) đã xác định có hai loại tài nguyên du lịch là tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch văn hóa. Cả hai loại tài nguyên này nằm trong kho tàng di sản văn hóa và thiên nhiên của đất nước. Khi phát triển công nghiệp du lịch, các tài nguyên này trở thành nguyên liệu. “Nguyên liệu” được khai thác, chế biến thông qua các dịch vụ du lịch phù hợp để trở thành sản phẩm/ sản phẩm

văn hóa/ sản phẩm du lịch. Sản phẩm đưa vào tiêu dùng trong thị trường du lịch để trở thành các hàng hóa văn hóa đặc thù, đem lại nguồn thu cho các cá nhân, tổ chức, các địa phương và đất nước. Đó chính là chu trình phát triển của kinh tế di sản. Kinh tế di sản được nghiên cứu trên nền tảng khai thác giá trị các tài nguyên là di sản văn hóa và thiên nhiên để tạo ra các hàng hóa văn hóa đặc trưng chính là việc cụ thể hóa quá trình “*Kinh tế hóa văn hóa*” trong xã hội đương đại thông qua những cách thức và biện pháp khác nhau, phù hợp với từng thành tố của kho tàng di sản văn hóa dân tộc. Phát triển kinh tế di sản chính là những hoạt động tích cực nhằm đẩy mạnh quá trình hội nhập, giao thoa và tiếp biến văn hóa qua con đường du lịch; góp phần quảng bá văn hóa dân tộc đồng thời tiếp thu những tinh hoa của văn hóa nhân loại; xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để trở thành một nền văn hóa mới mang đầy đủ tính hiện sinh trong tiến trình hội nhập, toàn cầu hóa hiện nay.

3.2. Những giá trị của kho tàng di sản văn hóa và thiên nhiên, tiền đề cho kinh tế di sản ở Việt Nam

3.2.1. Giá trị tự nhiên, không gian, cảnh quan, môi trường... (Duong Văn Sáu, 2018)

Di sản có giá trị tự nhiên, không gian, cảnh quan, môi trường nói ở đây là những di sản văn hóa và thiên nhiên đã được nhà nước nghiên cứu, đánh giá, xếp hạng trên cơ sở những giá trị mà nó hàm chứa; bao gồm các di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt. Đó cũng có thể là các di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới tại Việt Nam đã được UNESCO công nhận và xếp hạng bởi những giá trị ngoại hạng nổi bật toàn cầu của nó. Không gian của các di sản văn hóa là những nơi có môi trường sinh thái tự nhiên và môi trường sinh thái nhân văn tốt do trong quá khứ chúng đã được lựa chọn cẩn thận vị trí trước khi xây dựng để đạt được yêu cầu “*địa linh – nhân kiệt*” (地靈-人傑). Đây là những nơi có cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp, khí hậu ôn hòa được trời đất ban phú cho chúng ta, ít chịu sự xâm thực, tác động của con người. Hệ thống các di sản văn hóa vật thể của chúng ta

thường nhỏ bé, tinh tế, hòa vào với thiên nhiên, tô điểm cho thiên nhiên, trở thành thiên nhiên thứ hai – “*thiên nhiên văn hóa*” của con người Việt Nam.

Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay, việc đô thị hóa nhanh chóng diễn ra ở khắp mọi nơi đã và đang tác động mạnh mẽ đến môi trường sống của người dân và cũng tác động mạnh mẽ đến kho tàng di sản văn hóa, hệ thống di tích lịch sử – văn hóa trên khắp các miền đất nước. Tuy vậy, trong không gian các di tích, di sản vẫn là những nơi còn giữ được môi trường sinh thái tự nhiên tốt, có nhiều cây xanh, hồ nước, tạo ra sự cân bằng sinh thái. Cũng trong không gian này, chứa đựng các công trình kiến trúc và các tác phẩm nghệ thuật đẹp đẽ, luôn trầm mặc với thời gian và thế cuộc. Không gian di tích, di sản cũng là không gian trong sạch, lành mạnh, nơi có môi trường xã hội tốt, ít tệ nạn xã hội,... Đó thực sự là môi trường trong sạch theo cả ý nghĩa hiện thực và ý nghĩa biểu tượng; từ đó hấp dẫn, thu hút các đối tượng người dân và du khách đến tham quan, chiêm bái, trải nghiệm các giá trị văn hóa – tinh thần trong những không gian và thời gian xác thực, cụ thể. Hiện nay, vấn đề bảo vệ môi trường có vai trò đặc biệt quan trọng. Vì vậy, giá trị không gian, cảnh quan, môi trường ở các di sản văn hóa và thiên nhiên thực sự có ý nghĩa, đã và đang phát huy vai trò tác dụng trong quá trình hội nhập, phát triển của đất nước.

3.2.2. Giá trị lịch sử, huyền thoại (Duong Văn Sáu, 2018)

Các di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam là nơi lưu giữ và phản ánh một phần lịch sử của địa phương và đất nước; nơi chung đúc, kết tinh các giá trị lịch sử, huyền thoại của mảnh đất và con người nơi nó ra đời, tồn tại và phát triển theo dòng lịch sử. Mỗi một địa danh, một vùng đất đều ít nhiều mang trong mình những câu chuyện cổ tích nhuộm màu huyền thoại. Mỗi một di sản văn hóa và thiên nhiên như một trang sử, cả hệ thống di sản văn hóa và thiên nhiên của dân tộc và đất nước là một phần lịch sử viết bằng đường nét và hình khối, đó là những trang sử

sống động được viết bằng đường nét, hình hài của các công trình, hiện vật. Nhiều di sản văn hóa được ra đời ở nơi đã từng diễn ra các sự kiện, biến cố về chính trị, quân sự, văn hóa – xã hội,... quan trọng trong quá khứ. Mọi dấu ấn vật chất tùy theo tính chất và mức độ của nó theo dòng thời gian đều có thể chứa đựng, phản ánh những giá trị lịch sử, huyền thoại có liên quan. Theo dòng thời gian, càng lùi xa trong quá khứ, mọi sự thật hiện hữu sẽ càng được huyền thoại hóa dưới sự cảm nhận của các tầng lớp công chúng. Sự huyền thoại hóa này luôn ngưng đọng, hội tụ tại các di sản văn hóa và thiên nhiên nổi bật. Chúng trở thành tâm điểm của huyền thoại và cổ tích, đặc biệt là ở các di sản gắn với tôn giáo tín ngưỡng. Cố Giáo sư Trần Văn Giàu, nguyên Chủ tịch danh dự Hội Sử học Việt Nam đã nói rằng: “Theo quy luật của thời gian, quá khứ sẽ được chắt lọc và kết tinh thành những giá trị vĩnh cửu” (Dương Văn Sáu, 2018). Những giá trị không gian cảnh quan, địa chất địa mạo đã được “huyền thoại hóa” theo dòng lịch sử trở thành các huyền tích của quá khứ được sử dụng trong cuộc sống đương đại. Các giá trị văn hóa – lịch sử hiện hữu đương thời sẽ được kiểm chứng, chắt lọc và trở thành huyền thoại trong tương lai. Chúng sẽ được kết tinh trong hệ thống di sản và như vậy, những di sản văn hóa và thiên nhiên như là kho tàng của cổ tích và huyền thoại hiện hữu giữa đời thường.

3.2.3. Giá trị tâm linh, tinh thần (Dương Văn Sáu, 2018)

Với các di sản gắn với đời sống sinh hoạt tôn giáo tín ngưỡng của người dân thì ở đó chứa đựng giá trị tâm linh, tinh thần rất lớn. Sự tồn tại của các di sản văn hóa đó gắn liền với sự tồn tại của “tính thiêng” – một thuộc tính vốn có, không thể thiếu được trong hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng của con người. Nó thỏa mãn nhu cầu tâm linh tinh thần của một bộ phận lớn các tầng lớp nhân dân, củng cố niềm tin tưởng hi vọng ở tương lai tốt đẹp, đồng thời góp phần khơi dậy và củng cố “tính thiện” trong mỗi con người. Đặc điểm của các nghi thức, nghi lễ trong tôn giáo tín ngưỡng diễn ra ở các di tích bao giờ cũng mang yếu tố “thiêng”, gồm các yếu tố được cấu trúc như trong Hình 1.



Hình 1. Cấu trúc của “tính thiêng” trong hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng (Dương Văn Sáu, 2017)

Tất cả các nghi lễ là để biểu thị thái độ thành kính, trân trọng, tôn vinh tới đối tượng mà người dân thờ cúng. Các tín điều trong hệ thống nghi lễ mang tính tưởng niệm và có tính giáo dục sâu sắc. Nghi lễ là hình thức biểu lộ sự “xin xỏ đối với thần linh” của con người, biểu hiện mối quan hệ giữa con người với vũ trụ, là cách ứng xử của con người với thiên nhiên, thần thánh và xã hội thông qua hệ thống biểu tượng. Nghi lễ là những nghi thức, cách thức mà con người dùng để dâng đồ cúng lên thần linh, nhằm “hữu thể hóa”, “hiện thực hóa” cái thiêng vốn vô hình, từ đó tạo ra sự giao lưu và giao thoa: người – thần, đời – đạo,... tạo ra sự cộng cảm, cộng mệnh trong đời sống văn hóa cộng đồng. Do vậy, phải có những nhân vật trung gian để chuyển tải ước nguyện của chúng dân đến thần linh. Những nhân vật trung gian đó là các chức sắc tôn giáo: linh mục trong các nhà thờ, các nhà sư trụ trì các ngôi chùa; các “nhân vật ủy nhiệm”: thầy mo, thầy bói, thầy cúng trong xã hội cộng đồng cư dân, những chủ tế, mạnh bái, bồi tế, phó tế,... trong các lễ hội truyền thống ở các cộng đồng cư dân. Họ đã được lựa chọn trong các tầng lớp nhân dân, được nhân dân tin tưởng và giao phó/ ủy thác trách nhiệm và chính họ cũng cố gắng để không phụ lòng tin đó.

Hệ thống di sản văn hóa với nhiều loại và loại hình khác nhau chính là những nơi để các tầng lớp nhân dân bày tỏ và thể hiện một phần thiêng liêng, sâu kín nhất trong tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của mình cầu mong một cuộc sống tốt đẹp hơn. Dưới góc độ này, di sản văn hóa chính là cái “vô vật chất” chứa đựng nội hàm văn hóa, tôn giáo – tín ngưỡng phong phú; nơi diễn ra các hoạt động thuộc đời sống tâm linh tinh thần của một bộ phận đông đảo các tầng lớp nhân dân trong đó có các hoạt động của loại hình du lịch văn hóa tâm linh. Nhu cầu tâm linh – tinh thần là nhu cầu chính đáng không dễ gì có thể thay đổi được và sẽ còn tồn tại lâu dài cùng với sự tồn tại của xã hội loài người.

3.2.4. Giá trị nghệ thuật, văn hóa – xã hội (Dương Văn Sáu, 2018)

Di sản là nơi lưu giữ và truyền trao cho các thế hệ người Việt Nam những giá trị cảnh quan, địa chất, địa mạo, thế giới sinh vật mà thiên nhiên, trời đất đã ban tặng cho chúng ta. Đây cũng là kho tàng di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của dân tộc, nơi kết tinh các giá trị lịch sử, văn hóa xã hội được hình thành qua thời gian và công sức, tài nghệ của biết bao thế hệ người Việt Nam đã sản sinh và nuôi dưỡng nó. Các di sản văn hóa là nơi lưu giữ và phản ánh những nét đẹp của cuộc sống, trở thành không gian của nghệ thuật thông qua kiến trúc cảnh quan và kiến trúc công năng/ công trình với hệ thống các công trình kiến trúc; các tác phẩm điêu khắc, hội họa; hệ thống di vật, cổ vật, bảo vật;... đặc sắc với nhiều chủng loại khác nhau, mang những ý nghĩa hiện thực và biểu tượng khác nhau. Hệ thống di sản với những giá trị riêng có, nổi bật của mình đã trở thành cơ sở, nền tảng, tiền đề cho việc nghiên cứu, tìm hiểu về thiên nhiên – đất nước và con người Việt Nam để giới thiệu cho đồng bào cả nước và bè bạn quốc tế.

Giá trị nghệ thuật, văn hóa – xã hội trong mỗi di sản văn hóa thường thể hiện thông qua sự tồn tại các công trình kiến trúc và các tác phẩm nghệ thuật đặc sắc và đa dạng như hệ thống tượng tròn, các tác phẩm điêu khắc, hội họa bằng nhiều chất liệu khác nhau với nhiều phương pháp chế tác khác nhau. Mỗi một công trình, một di vật trong các di sản văn hóa

đều chứa đựng công sức, trí tuệ và tài sản của cá nhân, cộng đồng. Đồng thời chứa đựng và phản ánh nét tài hoa, sự khéo léo của người nghệ nhân dân gian. Nó luôn mang “hơi thở” của quá khứ, nhịp sống của thời đại, đồng thời là bức thông điệp, lời nhắn gửi của quá khứ gửi hiện tại và tương lai... Từ đó thu hút đông đảo các đối tượng công chúng và du khách khác nhau đến với di sản.

3.2.5. Giá trị kinh tế (Dương Văn Sáu, 2018)

Bên cạnh những giá trị kể trên, kho tàng di sản Việt Nam còn chứa đựng giá trị kinh tế khi khai thác giá trị của hệ thống di sản văn hóa và thiên nhiên để phát triển du lịch. Giá trị tổng hợp của kho tàng di sản văn hóa và thiên nhiên chỉ biến thành các giá trị kinh tế khi biết đầu tư, khai thác, phát huy giá trị phù hợp và có hiệu quả để phục vụ các nhu cầu của các đối tượng công chúng cũng như đông đảo đội ngũ du khách. Trong quá khứ lịch sử, những công trình kiến trúc tôn giáo tín ngưỡng của cha ông ta được xây dựng lên hầu như chỉ để đáp ứng các nhu cầu tâm linh, tinh thần và các nhu cầu văn hóa – xã hội khác của các tầng lớp nhân dân chứ không phải với mục đích kinh tế. Hiện nay, khi nền kinh tế thị trường phát triển, nhu cầu con người phát triển nhanh chóng và đa dạng trong đó có nhu cầu du lịch ngày càng phát triển nhanh chóng. Việc khai thác các giá trị nhiều mặt của hệ thống di sản phục vụ phát triển du lịch là một công việc tất yếu và cần thiết. Các di sản văn hóa và thiên nhiên thông qua những phương cách khai thác khác nhau đã tạo ra các “hàng hóa văn hóa” phục vụ nhu cầu hưởng thụ văn hóa ngày càng cao của các đối tượng công chúng khác nhau. Nhiều di sản văn hóa và thiên nhiên của đất nước trở thành điểm đến tham quan du lịch trong các chương trình du lịch. Chính những điều này đã mang lại nguồn thu tài chính cho các di sản, cho cộng đồng cư dân bản địa, chủ nhân của di sản đồng thời mang lại nguồn thu cho các doanh nghiệp lữ hành khi đưa du khách tới tham quan du lịch tại các điểm đến di sản. Việc khai thác có chọn lọc những giá trị của kho tàng di sản thông qua hoạt động du lịch sẽ làm tăng “thu nhập xã hội” cho các địa phương, đem lại lợi ích to lớn, nhiều mặt cho xã hội.

Việc đem lại các lợi ích xã hội cho cá nhân và tổ chức trở thành yếu tố cốt lõi để di sản tồn tại và phát triển bền vững trong cộng đồng. Di sản văn hóa và thiên nhiên đã và đang là thế mạnh của du lịch Việt Nam để tạo ra kinh tế di sản; lợi thế này cần được khai thác đúng hướng với hiệu quả cao nhất trong quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế hiện nay. Đây thực sự là những biện pháp cụ thể để “kinh tế hóa văn hóa” trong thực tiễn ở các địa phương; chính là giải pháp để “biến giá trị thành giá cả”: biến những giá trị của kho tàng di sản thành giá cả thông qua phát triển các dịch vụ thích hợp trong lĩnh vực du lịch, dịch vụ. Đây chính là đặc điểm cơ bản, giữ vai trò chủ đạo của du lịch Việt Nam đang được định hướng trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

3.3. Những nội dung căn bản để phát triển kinh tế di sản ở Việt Nam hiện nay

Để phát triển một loại hình kinh tế có rất nhiều công việc phải làm như việc nghiên cứu đánh giá tài nguyên, đầu tư xây dựng các nguồn lực, phát triển thị trường sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, v.v.. Phát triển kinh tế di sản cũng như vậy. Tuy nhiên, với tính chất là một loại hình kinh tế đặc thù, kinh tế di sản có những đặc điểm riêng của nó. Dưới đây, chúng tôi xin trình bày những nội dung căn bản để phát triển loại hình kinh tế đặc thù này ở Việt Nam hiện nay.

3.3.1. Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Luật Di sản văn hóa phù hợp với yêu cầu thực tiễn

Theo Luật Di sản văn hóa được Quốc hội khóa XII, sửa đổi bổ sung, thì: “Di sản văn hóa quy định tại Luật này bao gồm di sản văn hóa phi vật thể và di sản văn hóa vật thể, là sản phẩm tinh thần, vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” (Quốc hội, 2009). Từ khái niệm được quy định trong bộ luật này, chúng ta thấy có bốn vấn đề liên quan đến nội dung, như sau:

Thứ nhất, ngay trong khái niệm này, luật đã xác định di sản văn hóa là “sản phẩm tinh thần, vật chất” của tiền nhân trao lại cho chúng ta. Đã là sản phẩm thì về mặt lý thuyết có thể đưa vào tiêu dùng/ tiêu thụ trong đời

sống xã hội bằng những phương cách, hình thức phù hợp trong những không gian và thời gian nhất định thông qua các dịch vụ xác định. Khi đó, di sản văn hóa sẽ trở thành hàng hóa, một hàng hóa văn hóa với những đặc trưng riêng của nó. Thực tế cuộc sống cho thấy, điều này đã và đang diễn ra hằng ngày ở các địa phương trên khắp miền đất nước.

Thứ hai, các sản phẩm của di sản văn hóa được luật pháp xác định là “có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học”. Vậy, việc tiêu dùng/ tiêu thụ các sản phẩm là di sản văn hóa một cách khoa học, phù hợp tức là tiêu dùng các giá trị của di sản văn hóa (bao gồm giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học như luật đã xác định). Quá trình này chính là quá trình khai thác, phát huy giá trị của di sản văn hóa phục vụ các nhu cầu của đời sống xã hội. Hoạt động đó sẽ là những động thái để các di sản văn hóa tạo ra những giá trị mới của mình trong những điều kiện cụ thể. Những giá trị mới này của di sản văn hóa có thể là việc phát triển, nâng tầm các giá trị sẵn có hoặc mở ra những giá trị mới. Các giá trị của di sản văn hóa khi được khai thác, sử dụng đúng cách sẽ hội tụ và tạo ra giá trị kinh tế của các di sản. Bản thân di sản văn hóa đã là giá trị nhưng những giá trị này nếu được khai thác, phát triển đúng cách, phù hợp sẽ làm tăng những giá trị vốn có của hệ thống di sản văn hóa. Chúng ta nói di sản văn hóa vô giá là vì vậy!

Thứ ba, theo luật định thì di sản văn hóa “được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác...” để tồn tại cùng sự phát triển của dân tộc. Nếu hiểu theo nghĩa thông thường của sự lưu truyền thì quan điểm này chỉ là sự tự thân tồn tại và vận động của di sản văn hóa. Quan điểm như vậy sẽ làm lu mờ giá trị của công tác quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị của di sản văn hóa dân tộc của các cơ quan chức năng ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch cùng chính quyền và nhân dân ở các địa phương. Nếu xác định di sản văn hóa chỉ được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác thì hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị của di sản văn hóa sẽ chỉ mang tính bị động, thụ động không phát huy được vai trò tích cực, chủ động của cộng đồng cư dân bản địa vốn là chủ nhân của di sản văn hóa cũng như vai trò của các cơ quan chức năng làm nhiệm vụ quản lý nhà nước về di sản văn hóa từ Trung ương đến các

địa phương. Điều đó sẽ làm giảm hiệu quả giá trị của công tác quản lý, bảo tồn di sản văn hóa trong quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước hiện nay.

Thứ tư, cũng theo luật định nêu trên, di sản văn hóa chỉ “*lưu truyền... ở nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam*” là không đúng với thực tế. Điều này thêm một lần nữa tự thừa nhận kim hãm sự phát huy giá trị của di sản văn hóa dân tộc trên trường quốc tế. Tự “trói mình” trong khuôn khổ quốc gia, dân tộc trong khi giá trị của kho tàng di sản văn hóa dân tộc là xuyên thời gian và vượt không gian. Đơn cử rõ rệt nhất là chúng ta đã có một hệ thống các di sản văn hóa (cả vật thể và phi vật thể) có giá trị “ngoại hạng” đã được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên, di sản văn hóa, di sản hỗn hợp thế giới ở Việt Nam, trở thành tài sản của văn hóa nhân loại. Những giá trị của kho tàng di sản văn hóa Việt Nam đã, đang và sẽ phát huy vai trò to lớn của nó trong tiến trình hội nhập, toàn cầu hóa mạnh mẽ hiện nay, trở thành một bộ phận không thể tách rời của văn hóa nhân loại.

Từ những phân tích kể trên cho thấy, sự cần thiết phải sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh các nội dung của *Luật Di sản văn hóa* cho phù hợp với tình hình, điều kiện và những yêu cầu đặt ra từ thực tế. Từ thực tiễn cuộc sống và những phân tích kể trên, trên cơ sở nghiên cứu, chúng tôi đưa ra khái niệm: “*Di sản văn hóa là sự chung đúc và kết tinh các giá trị vật chất và tinh thần của các thế hệ người đi trước; trở thành tài sản của cả cộng đồng; được cộng đồng thừa nhận, tuân thủ; bảo tồn, phát triển và truyền trao cho các thế hệ kế tiếp*” (Dương Văn Sáu, 2019b). Khái niệm này xác định di sản văn hóa là tài sản của cả cộng đồng, tài sản đó được lưu giữ, bảo tồn, phát triển nâng tầm giá trị và trao truyền cho các thế hệ kế tiếp để trở thành di sản cho muôn đời các thế hệ người Việt Nam đồng thời góp phần tích cực làm giàu cho văn hóa nhân loại trong tiến trình hội nhập. Tóm lại, đứng trước yêu cầu và tình hình thực tế xã hội, cần phải xem xét, đánh giá khách quan từ đó có những điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Luật Di sản văn hóa cho phù hợp với yêu cầu và điều kiện thực tế. “Mọi điều chỉnh, sửa đổi luật Di sản văn hóa phải tạo điều kiện cho sự ra đời và phát triển bền vững kinh tế di sản ở Việt Nam” (Dương Văn Sáu, 2022).

3.3.2. Đổi mới tư duy, quan điểm, xây dựng định hướng, chiến lược phát triển trong quá trình khai thác, phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên hiện nay

Khi nói về mối quan hệ giữa văn hóa và du lịch, du lịch và văn hóa nhiều người vẫn có những nhận định rằng “Du lịch phá di sản!”. Nhiều người cho rằng ngành văn hóa chỉ đóng vai trò làm nhiệm vụ bảo tồn còn ngành du lịch lại chỉ đóng vai trò khai thác di sản văn hóa. Du lịch “hót váng” thành quả của văn hóa! Du lịch “bày” ra cho văn hóa “dọn”, v.v.. Đây quả thực là một sự thật đáng buồn bởi cách làm du lịch của các cá nhân và doanh nghiệp không đúng cũng như sự phá vỡ quy hoạch ở nhiều địa phương, nhiều điểm đến du lịch hiện nay! Tuy nhiên, không thể chỉ nói một chiều như vậy, cũng không thể phủ nhận được những thành tựu, những lợi ích to lớn đem đến từ hoạt động du lịch đối với đời sống kinh tế, văn hóa – xã hội, trong đó có việc bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị kho tàng di sản văn hóa Việt Nam trong hoạt động du lịch. Đã đến lúc cần thay đổi, bổ sung nhận thức đúng đắn, để hành động kịp thời, phù hợp với tình hình phát triển của thực tiễn, đó là “*Du lịch đã và sẽ góp phần đặc biệt quan trọng trong việc khôi phục, bảo tồn, gìn giữ và phát triển di sản văn hóa dân tộc; nâng văn hóa dân tộc lên một tầm cao mới*” bởi những lợi ích to lớn mà kinh tế du lịch đem lại cho các địa phương, các điểm đến du lịch. Một sự thật hiển nhiên là nếu không có lợi ích kinh tế thu được từ hoạt động du lịch thì chúng ta cũng sẽ gặp rất nhiều khó khăn về tài chính trong công tác bảo tồn các di sản văn hóa và thiên nhiên. Lợi thế “vô tiền khoáng hậu” này trên thực tế đã chứng minh tính đúng đắn và tỏ rõ lợi thế của kinh tế di sản trong quá trình mở cửa, hội nhập của đất nước. Quan trọng hơn, nếu không góp phần khôi phục, bảo tồn, phát triển giá trị kho tàng di sản văn hóa, không tạo nên bản sắc văn hóa, không tạo ra ấn tượng và sự khác biệt,... thì du lịch sẽ không thể phát triển mà sẽ lụi tàn. Không giữ gìn được môi trường, bản sắc văn hóa dân tộc, du khách sẽ không đến tham quan, không quay trở lại các điểm đến du lịch là di sản văn hóa và thiên nhiên nữa. Vậy nên, chính du lịch phải “tự cứu mình” thông qua việc góp phần đặc lực vào công cuộc khôi

phục, bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc. Du lịch muốn phát triển bền vững trước hết phải tham gia tích cực, đắc lực, hiệu quả vào công tác bảo tồn, khai thác, phát triển các tài nguyên và nguồn lực du lịch trong đó có kho tàng di sản văn hóa dân tộc. Bên cạnh quan điểm “*bảo tồn để phát triển*”, chúng ta cũng cần phải đặt ra vấn đề ngược lại “*phát triển để bảo tồn*”. Đó chính là quan điểm “*bảo tồn động*” di sản văn hóa: “*Bảo tồn động di sản văn hóa là cách thức và biện pháp đưa các hoạt động xã hội thích hợp vào trong môi trường mà các di sản văn hóa tồn tại và đưa các loại hình, thành tố nào đó của di sản văn hóa vào các hoạt động xã hội trong môi trường phù hợp. Những giải pháp này sẽ giúp cho di sản có điều kiện phát huy được các giá trị của nó trong đời sống kinh tế – xã hội, đem lại những lợi ích khác nhau cho cộng đồng cư dân, chủ nhân của các di sản. Từ đó chủ nhân của di sản sẽ tìm cách duy trì và phát triển các lợi ích của họ; điều đó giúp di sản tồn tại và phát triển bền vững...*” (Dương Văn Sáu, 2019b). Bảo tồn động di sản văn hóa tức là cho di sản “sống” cùng đời sống xã hội đặc biệt là gắn di sản với hoạt động của kinh tế du lịch. Hoạt động này nhằm tận dụng và phát huy tốt nhất các sức mạnh nội và ngoại lực của các di sản văn hóa; đem lại những lợi ích khác nhau cho các đối tượng công chúng trong vai trò của du khách tham gia hoạt động trong môi trường di sản cũng như các cộng đồng cư dân bản địa và cơ quan quản lý di sản. Khi đó, di sản thực sự trở thành tài sản theo đúng nghĩa của từ này. Những lợi ích thu được từ các hoạt động du lịch (trong đó có lợi ích kinh tế) sẽ tác động, chi phối trở lại các hoạt động của các di sản, tạo điều kiện cho di sản tồn tại và phát triển bền vững. Nhân đó mà tài sản văn hóa được tăng thêm không ngừng, mang lại những lợi ích to lớn cho cộng đồng cư dân – chủ nhân của các di sản văn hóa cũng như lợi ích thông qua thu nhập tăng thêm cho cán bộ, nhân viên trong các cơ quan quản lý di sản. Khi lợi ích được đảm bảo, người ta sẽ gắn bó với di sản chặt chẽ hơn, tốt hơn, hiệu quả hơn... điều đó giúp di sản được bảo tồn và phát triển bền vững hơn.

Việc khai thác có chọn lọc các giá trị của văn hóa tức là tìm ra các giá trị đặc sắc của văn hóa, đưa các giá trị đó vào cuộc sống đem

lại các giá trị đích thực cho con người. “**Giá trị tạo ra giá trị – Giá trị gia tăng giá trị**”. Kinh tế du lịch phát triển trên nền tảng các tài nguyên văn hóa sẽ là nhân tố chủ đạo của kinh tế di sản, tạo ra giá trị và giá trị thặng dư từ kho tàng di sản văn hóa dân tộc. Điều đó giúp khơi nguồn nội lực cho văn hóa, giúp văn hóa tăng thêm sức mạnh để phát triển chứ không phải khai thác văn hóa mang tính cạn kiệt. Khai thác giá trị của văn hóa tức là làm tăng giá trị của văn hóa, tạo cho văn hóa có “đầu ra” là các sản phẩm du lịch! Đó chính là những giải pháp “bảo tồn động” các giá trị của văn hóa; là những biểu hiện tích cực của quá trình “kinh tế hóa văn hóa” trong hoạt động du lịch.

3.3.3. *Đầu tư xây dựng, phát triển các nguồn lực, triển khai những nhiệm vụ căn bản của kinh tế di sản ở Việt Nam hiện nay*

Quá trình khai thác có chọn lọc, phát huy hiệu quả các giá trị của văn hóa nói chung, di sản văn hóa nói riêng để phát triển du lịch tất yếu đã hình thành khoa học Văn hóa du lịch. “*Văn hóa du lịch là khoa học nghiên cứu, khai thác có chọn lọc các giá trị của văn hóa để phát triển du lịch và nâng cao hàm lượng văn hóa trong các mối quan hệ cung – cầu của hoạt động du lịch; góp phần quảng bá văn hóa, tạo sự phát triển du lịch bền vững*” (Dương Văn Sáu, 2019a). Khoa học Văn hóa du lịch điều phối hoạt động của hai quá trình “kinh tế hóa văn hóa” và “văn hóa hóa kinh tế” diễn ra đồng thời trong hoạt động du lịch. Nó định hướng hình thành và phát triển kinh tế di sản, trở thành nội hàm của kinh tế di sản ở Việt Nam. Văn hóa du lịch là khoa học trong lĩnh vực xã hội và nhân văn để tiến hành nghiên cứu trọng điểm, khai thác chọn lọc, phát huy hiệu quả các giá trị của văn hóa và phát triển văn hóa theo hướng ứng dụng trong xã hội hiện đại. Khoa học Văn hóa du lịch có nhiệm vụ “*làm rõ giá trị du lịch của văn hóa*” và “*làm rõ giá trị văn hóa trong hoạt động du lịch*”, nhiệm vụ cụ thể của Văn hóa du lịch là LỤC BIẾN (Dương Văn Sáu, 2019a), bao gồm:

1. Biến di sản thành tài sản.
2. Biến văn hóa thành hàng hóa.
3. Biến tài nguyên thành tài chính.
4. Biến nguồn lực thành động lực.
5. Biến môi trường thành thị trường.
6. Biến giá trị thành giá cả.

Nội dung của quá trình triển khai “lục biến” sẽ cần có một bài viết dài hơn để làm rõ từng nội dung. Tuy vậy, chúng ta chỉ cần thừa nhận: Di sản văn hóa Việt Nam chứa đựng nhiều giá trị to lớn. Những giá trị đó được hình thành trong tiến trình lịch sử dựng và giữ nước của dân tộc và trở thành tài sản vô giá của đất nước. Những tài sản đó cần phải được bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị bằng những phương cách thích hợp. Một trong những phương cách đó là thông qua hoạt động du lịch để triển khai các dịch vụ phù hợp. Di sản văn hóa và thiên nhiên vốn là tài nguyên nhưng đã trở thành “nguyên liệu” cho công nghiệp du lịch. “Nguyên liệu” này khi được khai thác phù hợp sẽ tạo ra các sản phẩm du lịch đặc trưng để đưa vào tiêu dùng trong xã hội; khi đó, các sản phẩm này sẽ trở thành hàng hóa, hàng hóa sẽ có giá cả của nó. Khi đó, giá trị đã trở thành (biến) giá cả.



Hình 2. Sơ đồ chu trình biến văn hóa thành hàng hóa qua con đường du lịch (Đương Văn Sáu, 2022)

Triển khai hiệu quả sáu nhiệm vụ nêu trên trong cuộc sống chính là quá trình hình thành và phát triển bền vững kinh tế di sản ở Việt Nam. Muốn như vậy cần nghiên cứu, đầu tư xây dựng các nguồn lực về con người, về cơ sở vật chất kỹ thuật, hạ tầng du lịch cũng như đầu tư tài chính, phát triển khoa học công nghệ trong các dịch vụ du lịch, phát triển thị trường sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đặc trưng, v.v.. Mỗi địa phương, tùy theo tài nguyên và nguồn lực của mình mà có bước đi và giải pháp phù hợp. Cần phối hợp giữa nghiên cứu tổng quan và nghiên cứu cụ thể với từng loại hình di sản, không gian di sản để đưa ra những giải pháp khoa học, cụ thể, phù hợp. Nhiệm vụ “biến giá trị thành giá cả” đối với

các di sản được chọn lọc tức là triển khai các dịch vụ thích hợp, đáp ứng và phục vụ nhu cầu công chúng là các đối tượng du khách. Các di sản được tổ chức khai thác, phát huy giá trị phù hợp sẽ góp phần làm tăng sức hấp dẫn điểm đến, kéo dài thời gian tham quan trải nghiệm du lịch. Từ đó sẽ kéo theo việc sử dụng các dịch vụ bổ sung khác của du khách như lưu trú, ẩm thực, mua sắm,... Khi du khách sử dụng các dịch vụ đó, chúng ta sẽ thu được nguồn lợi từ di sản; *giá trị* di sản sẽ trở thành *giá cả* là như vậy! Các nguồn lực về con người, nguồn lực tài chính, nguồn lực khoa học công nghệ cùng với nguồn lực về kinh nghiệm tổ chức sản xuất kinh doanh, tận dụng thời cơ, cơ hội trong phát triển được đầu tư và sử dụng phù hợp sẽ tạo nên sức mạnh chi kinh tế di sản phát triển bền vững.

4. KẾT LUẬN

Định hướng phát triển kinh tế di sản chính là triển khai quá trình bảo tồn động di sản văn hóa dựa trên nguyên tắc: **“biến nguyên bản thành phiên bản”** trong quá trình khai thác, phát triển di sản văn hóa qua con đường du lịch. Với mỗi di sản văn hóa cần nghiên cứu để có giải pháp xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng trên nền tảng “sử dụng phiên bản” của di sản văn hóa. Du khách sẽ tiêu dùng các sản phẩm du lịch đặc trưng tại các không gian điểm đến du lịch, các sản phẩm du lịch đó sẽ được chế biến từ “nguyên liệu” là các phiên bản của di sản văn hóa, tức là chúng ta bán cái hình hài, hình ảnh của di sản chứ không bán di sản, bán giá trị của di sản...

Phát triển kinh tế di sản bao trùm toàn bộ quá trình bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị kho tàng di sản thiên nhiên và văn hóa dân tộc trong tiến trình hội nhập và phát triển qua con đường du lịch ở Việt Nam hiện nay là phải triển khai áp dụng **“lí thuyết ba phải”** trong quá trình phát triển đất nước nói chung, phát triển du lịch bền vững nói riêng, gồm:

1. Phải bảo vệ không gian, cảnh quan môi trường.
2. Phải giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.
3. Phải phát triển khoa học công nghệ hiện đại.

Triển khai thực hiện tốt “lí thuyết ba phải” trong cuộc sống, chúng ta không chỉ tạo ra sự phát triển bền vững của kinh tế di sản nói

chung, kinh tế du lịch nói riêng mà còn giữ gìn được bản sắc văn hóa dân tộc trong quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế hiện nay. Đó chính là nguyên tắc để “hòa nhập mà không hòa tan” như chúng ta vẫn nói.

Trong xã hội hiện đại, thông qua hoạt động du lịch, con người có xu hướng xích lại gần nhau về nhu cầu và lợi ích; văn hóa của các dân tộc cũng vì đó mà hội nhập, giao thoa và tiếp biến ngày một mạnh mẽ hơn; đây là xu thế tất yếu của loài người. Dưới góc độ này “*du lịch chính là công cụ, phương tiện kết nối các nền văn hóa*”. Kho tàng di sản văn hóa Việt Nam chứa đựng rất nhiều giá trị, trách nhiệm của chúng ta là phải làm sao cho các giá trị đó được bảo tồn, phát triển, tỏa sáng trong quá trình hội nhập, đem lại những lợi ích to lớn, nhiều mặt cho đất nước. Đó chính là mục tiêu, nội hàm của kinh tế di sản ở Việt Nam hiện nay. Du lịch là phương tiện để xây dựng và phát triển kinh tế di sản của đất nước trong tiến trình hội nhập. Phát triển kinh tế di sản qua con đường du lịch cũng là cơ hội để tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, làm giàu cho văn hóa dân tộc. Du lịch lấy văn hóa làm nền tảng, văn hóa lấy du lịch làm động lực. Văn hóa là Tĩnh (tương đối) – Du lịch là Động (tuyệt đối). Sự giao thoa giữa Tĩnh và Động sẽ tạo nên sự phát triển bền vững của đời sống xã hội. Sự gặp gỡ và giao thoa văn hóa thông qua hoạt động du lịch vừa thể hiện bản sắc văn hóa dân tộc vừa thể hiện sự tiếp biến và giao thoa văn hóa trong tiến trình phát triển. Phát triển kinh tế di sản là một quá trình thay đổi nhận thức và chuyển biến hành động trong công cuộc bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên qua con đường du lịch; đồng thời là những yêu cầu, điều kiện cần thiết, tất yếu của kinh doanh du lịch hiện đại. Làm tốt những điều đó là chúng ta đã góp phần xây dựng văn hóa du lịch Việt Nam. Du lịch dành cho tất cả mọi người nhưng văn hóa du lịch chỉ dành cho những người có hiểu biết, có văn hóa. Văn hóa du lịch bao trùm nội hàm của kinh tế du lịch, nó mang trong mình yếu tố thời đại, xu thế thời đại mà không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của bất cứ cá nhân, tổ chức nào. Phát triển kinh tế di sản trên nền tảng

khoa học văn hóa du lịch là những nhiệm vụ đặc biệt quan trọng không chỉ góp phần bảo tồn di sản văn hóa và thiên nhiên của dân tộc mà còn góp phần đắc lực trong việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; gìn giữ những giá trị ngoại hạng nổi bật toàn cầu mà di sản hàm chứa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (2014). *Nghị quyết số 33-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 9 BCH Trung ương Đảng khóa XI ngày 09 tháng 06 năm 2014 về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*.
- Dương Văn Sáu. (2017). *Giáo trình Lễ hội Việt Nam trong sự phát triển du lịch* (Tái bản lần thứ nhất có sửa chữa bổ sung). Hà Nội: Nxb Lao Động.
- Dương Văn Sáu. (2018). *Giáo trình Di tích lịch sử – văn hóa và danh thắng Việt Nam* (Tái bản lần thứ nhất có sửa chữa bổ sung). Hà Nội: Nxb Lao Động.
- Dương Văn Sáu. (2019a). *Giáo trình Văn hóa Du lịch* (Tái bản lần thứ nhất có sửa chữa bổ sung). Hà Nội: Nxb Lao Động.
- Dương Văn Sáu. (2019b). Những quan điểm tiếp cận mới trong công tác bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị di sản văn hóa qua con đường du lịch ở Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, 423, 49–52.
- Dương Văn Sáu. (2022). *Văn hóa – nguồn tài nguyên đặc hữu của Du lịch Việt Nam* (Tái bản lần thứ nhất có sửa chữa bổ sung). Hà Nội: Nxb Hà Nội.
- Nguyễn Phú Trọng. (24/11/2021). *Toàn văn phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc. Công thông tin điện tử Bộ Công thương Việt Nam*. Công thông tin điện tử Bộ Công Thương. Truy cập ngày 10/5/2023, từ <https://moit.gov.vn/tin-tuc/hoat-dong/toan-van-phat-bieu-cua-tong-bi-thu-nguyen-phu-trong-tai-hoi-nghi-van-hoa-toan-quooc.html>
- Quốc hội. (2009). *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10* (Luật số 32/2009/QH12).
- Quốc hội. (2017). *Luật Du lịch* (Luật số 09/2017/QH14).